

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2019/DSPT  
Ngày 17/9/2019  
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê  
khoán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuần

*Các Thẩm phán:* Văn Công Dân và Bà Lê Thị Tùng.

**- T2 ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Hằng - T2 ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/TLPT - DS ngày 17/6/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 113/QĐ - PT ngày 07/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125 ngày 27/8/2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Khắc B, sinh năm: 1961. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

1.1 Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Vũ Minh Th, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Ông Vương Đức T, sinh năm: 1969 (Có mặt).

Cùng trú tại: thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Lê Duy L, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Trú tại: thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

1.2 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968 - Thuộc văn phòng luật sư Đức D – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Luật sư Nguyễn Khánh L1, sinh năm: 1986 - Thuộc văn phòng luật sư Đức D – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 62 Dương Văn Ng, phường TT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**2. Bị đơn:** Công ty TNHH một thành viên cà phê M.

Địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Võ Khắc R– Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Hà Văn L, sinh năm: 1960.

Trú tại: Thôn 7, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1 Chị Lê Thị X, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

3.2 Chị Lê Khắc P sinh năm 1986 (Vắng mặt).

3.3 Chị Lê Thị H, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

3.4 Chị Lê Thị K, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

3.5 Anh Lê Khắc Đ sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3.6 Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn 8, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T2:

Ông Vương Đức T và ông Vũ Minh Th (Có mặt).

Trú tại: thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3.7 Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1959 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T2:

Ông Vương Đức T (Có mặt).

Trú tại: thôn 9, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Khắc B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T2.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người được ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Minh Th, ông Vương Đức T, ông Lê Duy L trình bày có nội dung:

Năm 1991 ông Lê Khắc B có ký kết hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê với Nông trường Y (Nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê Y) vào ngày 26/4/1991 với nội dung cụ thể như sau: Nông trường Y giao quyền sử dụng cho ông Lê Khắc B với diện tích là 01 ha, trên đất có cây cà phê trồng năm 1983 tổng số cây trên vườn không ghi cụ thể bao nhiêu cây cà phê cũng như không ghi loại A, B, C, D là bao nhiêu cây cà phê, thuộc Đội 9, xã C, huyện E, với thời hạn nhận khoán là 25 năm kể từ khi trồng đến hết vòng đời cây cà phê. Khi các bên thực hiện hợp đồng được 05 năm thì đến ngày 10/9/1996 ông Lê Khắc B có ký hợp đồng khoán đất chăm sóc cây lâu năm với Nông trường Y với diện tích nhận khoán là 0,9ha trên đất có trồng cà phê từ năm 1983, thời hạn của hợp đồng là 50 năm kể từ ngày 01/01/1996, diện tích có sự thay đổi vì có sự đo đạc lại cho phù hợp trên đất vẫn trồng cây cà phê trồng từ năm 1983, đối tượng cũng như chủ thể của hợp đồng không có gì thay đổi với hợp đồng đã ký năm 1991 chỉ có sự thay đổi về thời hạn của hợp đồng. Từ ngày ký hợp đồng năm 1991 đến nay thì hợp đồng này đã hết hạn tức là đã quá 25 năm cũng như thời hạn khấu hao vườn cây đã hết từ năm 2000, sau năm 2000 nợ khấu hao của hợp đồng 1991 của ông B chỉ còn 721kg. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Hợp đồng năm 1991 thì đến năm 2008, năm 2009, năm 2010 chu kỳ vòng đời của cây cà phê đã hết theo như hợp đồng đã ký nhưng từ năm 2011 đến nay Công ty Y không hề thanh lý hợp đồng năm 1991 cho người lao động mà tháng 01/2011 Công ty Y tiếp tục ký hợp đồng giao nhận khoán với người lao động với định mức giao khoán 11 tấn cà phê quả tươi/01ha và vẫn thu sản lượng 3.500kg quả tươi/01 ha như trong thời kỳ cây cà phê vẫn còn kinh doanh như vậy là đã trái với hợp đồng đã ký với người lao động. Bởi vì trong Điều III (Điều khoản thống nhất chung) có khoản 3 ghi rõ “ Sau khi hoàn trả giá trị vườn cây cho Nhà nước bên B1 được hưởng 70%; bên A được hưởng 30% giá trị khấu hao cơ bản của vườn cây”. Ông Lê Khắc B cho rằng việc ký kết hợp đồng năm 1996 chỉ là hợp đồng giao đất 50 năm theo quy định của Nhà nước chứ không phải là hợp đồng để thay thế hợp đồng năm 1991. Hợp đồng năm 1996 không thể lập thành hợp đồng mà chỉ được lập phụ lục hợp đồng bổ sung cho hợp đồng năm 1991 để giao đất có vườn cây là 50 năm cho người lao động theo quy định tại Nghị định 01/NĐ-CP năm 1995. Việc thanh lý hợp đồng

là bắt buộc để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của hai bên, khi mọi điều khoản trong hợp đồng được thực hiện bình đẳng thì giá trị và hiệu lực của hợp đồng mới hết. Hiện nay, bà Nguyễn Thị T2 là vợ của ông Lê Khắc B là người đang thực hiện việc giao khoán theo hợp đồng năm 2011 kéo dài đến năm 2017. Từ những chứng cứ trên đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng hợp đồng năm 1991 vẫn còn giá trị nên việc nguyên đơn ông Lê Khắc B yêu cầu thanh lý hợp đồng năm 1991 là có căn cứ. Ngoài ra đại diện theo ủy quyền không có yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hà Văn L trình bày:

Năm 1991 Nông trường Y (Nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê Y) có ký hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê với ông Lê Khắc B với diện tích là 01 ha, trồng năm 1983 tổng số cây trên vườn, không ghi cụ thể bao nhiêu cây cà phê cũng như không ghi loại A, B, C, D là bao nhiêu cây cà phê, nằm ở Đội 9, với thời hạn nhận khoán là 25 năm kể từ khi trồng đến hết vòng đời cây cà phê. Sau đó thực hiện chủ trương theo Nghị định 01/NĐ-CP năm 1995 ông Lê Khắc B ký hợp đồng giao nhận khoán vườn cà phê vào năm 1996 với thời hạn của hợp đồng là hợp đồng là 50 năm đồng thời diện tích nhận khoán được đo đạc lại là 0,9ha. Hợp đồng năm 1991 đã chấm dứt từ ngày 15/9/1996 khi hợp đồng năm 1996 có hiệu lực; các hợp đồng về sau như hợp đồng giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006 thì hợp đồng của giai đoạn này chưa hết thời hạn nhưng Nhà nước có Nghị định mới ban hành là Nghị định 135/2005/NĐ – CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ và Thông tư 102/2006/TT-BNN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cùng chỉ đạo của Tổng công ty Cà phê Việt Nam thì Công ty TNHH một thành viên Cà phê Y tiến hành ký hợp đồng khoán mới thay thế hợp đồng khoán cũ bắt đầu từ giai đoạn ngày 23/7/2007 đến hết tháng 12 năm 2010. Đồng thời từ năm 2011 đến năm 2015 và kéo dài 02 năm 2016 – 2017 theo chỉ đạo của Tổng công ty Cà phê Việt Nam. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc B yêu cầu thanh lý hợp đồng giao nhận khoán năm 1991, bị đơn có quan điểm sau: Hợp đồng giao nhận khoán năm 1991 đã chấm dứt hiệu lực từ ngày 15/9/1996 theo nội dung bản án đã có hiệu lực pháp luật số 63/2001/DSPT ngày 07/12/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng trong vụ án này ông Lê Khắc B cũng là nguyên đơn và khi bản án có hiệu lực pháp luật ông B đã đóng sản lượng khoán còn nợ là 640kg cà phê quả tươi, cũng từ năm 2001 đến năm 2017 ông B đã nộp đầy đủ sản lượng giao khoán và sản lượng giao khoán ông B nộp cho Công ty Y theo nội dung đã thỏa thuận của với ông Lê Khắc B từ năm 1996 đến nay theo các thời kỳ và các bên không thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận ghi trong hợp đồng năm 1991 vì hợp đồng này đã hết hiệu lực. Bên cạnh đó, hiện nay diện tích đất ông B nhận khoán thì ông B

đã sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T2 diện tích là 3.553m<sup>2</sup>, phần diện tích còn lại thì người đứng tên hợp đồng là bà Nguyễn Thị T2 vợ của ông Lê Khắc B. Từ những nội dung nêu trên bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc B. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 là ông Vương Đức T trình bày: Ngày 20/4/1991 gia đình ông Lê Khắc B và bà Nguyễn Thị T2 đã ký hợp đồng kinh tế số 08/HTKT (hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cây cà phê với Nông trường cà phê Y do ông Vương M1 làm giám đốc) tại thời điểm đó với diện tích cà phê trồng năm 1983 là 1ha, thuộc khu vực đội 9, ngày 10/9/1996 ông Lê Khắc B là chủ hộ lại ký tiếp hợp đồng số 640/HDK với nông trường Y lúc đó vẫn do ông Vương M1 làm giám đốc, sau khi khảo sát diện tích thì giảm xuống còn 0.9ha, vẫn nằm trên diện tích cũ và phê vẫn trồng từ 1983. Đến năm 2007 sau khi cảm thấy sức khỏe yếu điều kiện kinh tế gia đình gặp khó khăn ông B đã làm đơn xin chấm dứt hợp đồng với Công ty TNHH một thành viên cà phê Y, phần diện tích nhận khoán trên được nhượng lại cho ông T2 một phần là 3.553m<sup>2</sup>, phần còn lại diện tích 5.400m<sup>2</sup> chuyển sang cho bà Nguyễn Thị T2 đứng tên trên hợp đồng tới nay. Ngày 25/7/2018 ông Lê Khắc B đã làm đơn khởi kiện Công ty TNHH một thành viên cà phê Y yêu cầu phải thanh lý hợp đồng kinh tế ký năm 1991 mà ông B đã ký với công ty, bà T2 hoàn toàn đồng ý với đơn kiện của ông B bởi quyền lợi của gia đình bà T2 ở hợp đồng kinh tế năm 1991 mà ông B đã ký. Vì thế bà T2 đề nghị Công ty TNHH một thành viên cà phê Y phải có trách nhiệm thanh lý hợp đồng giao nhận khoán đã ký năm 1991.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 ông Vương Đức T, ông Vũ Minh Th trình bày: Ngày 03/8/2011 ông T1 có ký hợp đồng giao nhận khoán đất sản xuất cà phê với công ty TNHH MTV cà phê Y diện tích 3.553m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 80, thửa số 54 nằm trong hợp đồng giao nhận khoán số 126/9/2011/HĐ-GNK cà phê trồng năm 1983, toàn bộ diện tích nói trên ông T1 được ông Lê Khắc B, bà Nguyễn Thị T2 là chủ hợp đồng kinh tế ký năm 1991 chuyển nhượng cho ông T1 và đã được ban giám đốc công ty Y đồng ý cho ông B, bà T2 sang nhượng do đó ông T1 đã ký hợp đồng với công ty Y từ ngày 03/8/2011 cho đến nay. Ngày 25/7/2018 ông Lê Khắc B đã làm đơn khởi kiện Công ty TNHH một thành viên cà phê Y yêu cầu phải thanh lý hợp đồng kinh tế ký năm 1991 mà ông B đã ký với công ty, ông T1 hoàn toàn đồng ý với đơn kiện của ông B và đề nghị Công ty TNHH một thành viên cà phê Y thanh lý hợp đồng đã ký năm 1991.

Tại bản án dân sự thẩm số 03/2019/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Áp dụng: khoản 3, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 155; Điều 156; Điều 157; Điều 164; Điều 165; Điều 166; điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 395, 404, 417, 503,504 Bộ luật dân sự năm 1995; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khắc B về yêu cầu Công ty TNHH một thành viên cà phê Y phải thanh lý hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê đã ký ngày 20/4/1991 với ông Lê Khắc B .

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Lê Khắc B phải chịu 1.900.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/5/2019, nguyên đơn ông Lê Khắc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, đồng thời người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 1991 ông Lê Khắc B có ký kết hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê với Nông trường Y (Nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê Y) vào ngày 26/4/1991 với nội dung cụ thể như sau: Nông trường Y giao quyền sử dụng cho ông Lê Khắc B với diện tích là 01 ha, trên đất có cây cà phê trồng năm 1983 tổng số cây trên vườn không ghi cụ thể bao nhiêu cây cà phê cũng như không ghi loại A, B, C, D là bao nhiêu cây cà phê, thuộc Đội 9, xã C, huyện E, với thời hạn nhận khoán là 25 năm kể từ khi trồng đến hết vòng đời cây cà phê. Khi các bên thực hiện hợp đồng được 05 năm thì đến ngày 10/9/1996 ông Lê Khắc B có ký hợp đồng khoán đất chăm sóc cây lâu năm với Nông trường Y với diện tích nhận khoán là 0,9ha trên đất có trồng cà phê từ năm 1983, thời hạn của hợp đồng là 50 năm kể từ ngày 01/01/1996, diện tích có sự thay đổi vì có sự đo đạc lại cho phù hợp trên đất vẫn trồng cây cà phê trồng từ năm 1983, đối tượng cũng như chủ thể của hợp đồng không có gì thay đổi với hợp đồng đã ký năm 1991 chỉ có sự thay đổi về thời hạn của hợp đồng. Từ ngày ký hợp đồng năm 1991 đến nay thì hợp đồng này đã hết hạn tức là đã quá 25 năm cũng như thời hạn khấu hao vườn cây đã hết từ năm 2000, sau năm 2000 nợ khấu hao của hợp đồng 1991 của ông B chỉ còn 721kg. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 của Hợp đồng năm

1991 thì đến năm 2008, năm 2009, năm 2010 chu kỳ vòng đời của cây cà phê đã hết theo như hợp đồng đã ký nhưng từ năm 2011 đến nay Công ty Y không hề thanh lý hợp đồng năm 1991 cho người lao động. Trong Điều III (Điều khoản thống nhất chung) có khoản 3 ghi rõ “ Sau khi hoàn trả giá trị vườn cây cho Nhà nước bên B1 được hưởng 70%; bên A được hưởng 30% giá trị khấu hao cơ bản của vườn cây”. Việc thanh lý hợp đồng là bắt buộc để bảo đảm quyền và nghĩa vụ của hai bên. Hợp đồng năm 1991 vẫn còn giá trị nên việc nguyên đơn ông Lê Khắc B yêu cầu thanh lý hợp đồng năm 1991 là có căn cứ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Năm 1991 Nông trường Y (Nay là Công ty TNHH một thành viên cà phê Y) có ký hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê với ông Lê Khắc B với diện tích là 01 ha, trồng năm 1983 tổng số cây trên vườn, không ghi cụ thể bao nhiêu cây cà phê cũng như không ghi loại A, B, C, D là bao nhiêu cây cà phê, nằm ở Đội 9, với thời hạn nhận khoán là 25 năm kể từ khi trồng đến hết vòng đời cây cà phê. Sau đó thực hiện chủ trương theo Nghị định 01/NĐ-CP năm 1995, Nghị quyết Đại hội đại biểu Cán bộ công nhân viên chức ngày 18/11/1995 thì ông Lê Khắc B đã ký hợp đồng giao nhận khoán vườn cà phê vào năm 1996 với thời hạn của hợp đồng là hợp đồng là 50 năm đồng thời diện tích nhận khoán được đo đạc lại là 0,9ha. Hợp đồng năm 1991 đã chấm dứt từ ngày 15/9/1996 khi hợp đồng năm 1996 có hiệu lực; các hợp đồng về sau như hợp đồng giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006 thì hợp đồng của giai đoạn này chưa hết thời hạn nhưng Nhà nước có Nghị định mới ban hành là Nghị định 135/2005/NĐ – CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ và Thông tư 102/2006/TT- BNN ngày 13/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam cùng chỉ đạo của Tổng công ty Cà phê Việt Nam thì Công ty TNHH một thành viên Cà phê Y tiến hành ký hợp đồng khoán mới thay thế hợp đồng khoán cũ bắt đầu từ giai đoạn ngày 23/7/2007 đến hết tháng 12 năm 2010. Đồng thời từ năm 2011 đến năm 2015 và kéo dài 02 năm 2016 – 2017 theo chỉ đạo của Tổng công ty Cà phê Việt Nam. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc B yêu cầu thanh lý hợp đồng giao nhận khoán năm 1991, bị đơn có quan điểm sau: Đề nghị HĐXX phúc thẩm bác tòa bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Khắc B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ngày 26/4/1991, Hộ ông Lê Khắc B có ký kết hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê với Nông trường Y, với diện tích 01ha, trên đất đã trồng

cà phê năm 1983, thời hạn nhận khoán là 25 năm. Tiếp đến ngày 10/6/1996, ông B ký hợp đồng giao khoán đất trồng cây lâu năm với công ty cà phê Y số 640/HĐK, diện tích 0,9 ha, thời hạn 50 năm kể từ ngày 01/01/1996. Nay ông B khởi kiện, yêu cầu Công ty cà phê Y thanh lý hợp đồng năm 1991 vì đã hết hạn thì thấy thực tế đối tượng của hai hợp đồng không thay đổi, chỉ thay đổi về diện tích là do có đo lại, nên cùng một chủ thể, đối tượng thì không thể lại hai hợp đồng giao khoán khác nhau. Mặc dù tại hợp đồng có thể hiện nội dung thanh lý vườn cây, nhưng khi ký kết hợp đồng tháng 9/1996 thì hợp đồng mới thực hiện được 05 năm, nên việc thanh lý vườn cây là không đúng nội dung hợp đồng.

Ngoài ra, tại bản án sơ thẩm số 14/DSST, ngày 19/10/2000 của TAND tỉnh Đắk Lắk đã quyết định: Hợp đồng thuê khoán tài sản ký kết ngày 20/4/1991 giữa Nông trường Y với các hộ dân trong nông trường đã chấm dứt từ ngày 15/9/1996 (Trong đó có hộ ông Lê Khắc B). Và tại bản án dân sự phúc thẩm số 63/2001/DSST ngày 07/12/2011 của TSND tối cao tại Đà Nẵng đã bác đơn kháng cáo của các hộ dân; Giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ những phân tích nhận định trên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Khắc B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 – Giữ nguyên bản án dân sự thẩm số 03/2019/DSST ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện E.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: yêu cầu Công ty TNHH MTV Cà phê Y thanh lý Hợp đồng ngày 20/4/1991 giữa Nông trường Y và ông Lê Khắc B thì thấy:

Các bên đương sự đều đồng ý thừa nhận vào ngày 20/4/1991 giữa Nông trường Y và ông Lê Khắc B có ký hợp đồng giao khoán với diện tích 1ha, trên đất có cây cà phê trồng năm 1983 và trong nội dung bản hợp đồng có thời gian nhận



khoán 25 năm kể từ khi trồng đến hết vòng đời cây cà phê (Có hiệu lực đến hết năm 2000), (BL 64).

Đến ngày 10/9/1996 ông Lê Khắc B có ký lại hợp đồng giao khoán với Nông trường cà phê Y với diện tích 0,9ha trên đất có cây cà phê trồng năm 1983 với thời hạn giao khoán để chăm sóc là 50 năm kể từ ngày 01/01/1996 (BL 65). Theo Kết luận của Nghị quyết (Hội nghị đại biểu cán bộ công nhân viên chức nông trường Y ngày 18/11/1995) như sau: “Sau tính toán các phần thu, chi trên cơ sở tính đủ trong bản khoán thực hiện Nghị định 01 – CP các khoản đã được hội nghị bàn và thống nhất bớt đi đã ghi ở các phần trên”. Theo Nghị quyết Hội nghị đại biểu công nhân viên chức nông trường Y ngày 4, 5 tháng 7 năm 1996 về công tác quản lý: Hoàn thiện công tác khoán theo Nghị định 01/CP của Thủ tướng Chính Phủ mà Hội nghị Công nhân viên chức bất thường ngày 18/11/1995 đã bàn bạc, tính toán thông qua. Hợp đồng 10/9/1996 ông Lê Khắc B với Nông trường cà phê Y thay thế cho hợp đồng năm 1991 và hợp đồng năm 1991 hết hiệu lực kể từ khi ký hợp đồng năm 1996.

Mặt khác, Đến ngày 18/8/1999 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý hồ sơ dân sự sơ thẩm về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản” giữa ông Lê Khắc B cùng 52 hộ dân khác với Nông trường cà phê Y. Ông B cùng 52 hộ dân khởi kiện về việc xây dựng giá khoán bất hợp lý vào năm 1995 và Nông trường Y đã bắt các hộ dân phải ký lại hợp đồng giao khoán năm 1996 là thiếu bình đẳng và không phù hợp với pháp luật yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng giao khoán năm 1991. Đến ngày 19/10/2000 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử và tại bản án số 14/DSST ngày 19/10/2000 của tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của Ông Lê Khắc B và 52 hộ dân khác với lý do thực hiện theo nghị định số 01/CP ngày 01/01/1995 của Chính phủ; và đến ngày 10/9/1996 các bên đã tiến hành ký kết hợp đồng mới. Do đó tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng năm 1996 thì hợp đồng năm 1991 đương nhiên bị chấm dứt. (Tuy ông Lê Khắc B cùng 52 hộ dân khác cho rằng ông cùng các hộ dân khác ký hợp đồng năm 1996 do bị ép buộc nhưng ông B và các hộ dân khác không chứng minh được. Mặt khác, đối tượng của hợp đồng năm 1991 và năm 1996 có sự chênh lệch về diện tích nhưng do đặc lại diện tích đất thực tế chứ là không có gì thay đổi). Sau khi xét xử sơ thẩm có 43 hộ dân kháng cáo trong đó có ông Lê Khắc B. (BL 52 – 60).

Đến ngày 07/12/2001 Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tại bản án phúc thẩm số 63/2001/DSPT ngày 07/12/2001 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm với nhận định

“Theo các tài liệu có trong hồ sơ, thì các hộ cũng đã ký vào các hợp đồng khoán với Giám đốc nông trường Y vào tháng 9 năm 1996. Như vậy mặc nhiên bản hợp đồng đã ký kết giữa các hộ với Giám đốc nông trường năm 1991 đã không còn hiệu lực thi hành, bởi vì theo quy định tại Nghị định số 01 ngày 04/01/1995 đã ghi “Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ”. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “Những tình tiết sự kiện đã được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật...”.

Đến năm 2007 bà Nguyễn Thị T2 (Vợ ông Lê Khắc B) đứng tên ký trong hợp đồng giao khoán ngày 23/10/2007. Tại điều IV của hợp đồng này có ghi “Hợp đồng này thay thế các hợp đồng trước đây”. Và năm 2011 bà Nguyễn Thị T2 đã sang nhượng một phần diện tích cây cà phê nhận khoán cho ông Nguyễn Văn T1 là 3.553m<sup>2</sup> trong phần diện tích nhận khoán là 0,9ha và đồng thời ông T1 cũng đã ký hợp đồng thuê khoán với Công ty TNHH một thành viên cà phê Y đối với phần diện tích 3.553m<sup>2</sup> đất này.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Khắc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk là thoả đáng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Lê Khắc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Khắc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/DS-ST, ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 395, Điều 404, Điều 417, Điều 503, Điều 504 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Khắc B, về việc yêu cầu Công ty TNHH một thành viên cà phê Y phải thanh lý hợp đồng giao quyền sử dụng vườn cà phê đã ký ngày 20/4/1991 với ông Lê Khắc B.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Khắc B phải chịu 1.900.000 đồng tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản.

[4] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Khắc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0004473, ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Lê Khắc B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0013025, 0013026, 0013027 cùng ngày 02/10/2017 (Đều do ông Vương Đức T nộp thay), tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Dương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Duy Thuấn**

***THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ***

***THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***

**Văn Công Dân**

**Lê Thị Tùng**

**Nguyễn Duy Thuận**

